BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2384 /TCHQ-TXNK V/v xử lý vướng mắc Thông tư 06/2021/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021*

Kính gửi: Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng.

Tổng cục hải quan nhận được công văn số 663/HQĐNg-TXNK ngày 7/4/2021 của Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng đề nghị hướng dẫn xử lý vướng mắc Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 của Bộ Tài chính. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan hướng dẫn xử lý các vướng mắc theo phụ lục đính kèm. Đề nghị Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng nghiên cứu thực hiện.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng biết và thực hiện.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, TXNK (03b).	**TL.TỔNG CỤC TRƯỞNG** **KT.CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK** **PHÓ CỤC TRƯỞNG** BỘ TÀI CHÍNH TỔNG CỤC HẢI QUAN **Trần Bằng Toàn**

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP TRẢ LỜI VƯỚNG MẮC CỦA CỤC HẢI QUAN TP. ĐÀ NẴNG VỀ THÔNG TƯ SỐ 06/2021/TT-BTC

(Ban hành kèm theo công văn số 2384/TCHQ-TXNK ngày 20/5/2021 của Tổng cục Hải quan)

STT	NỘI DUNG VƯỚNG MẮC	TRẢ LỜI
1	**Về thủ tục thông báo số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ** Điểm b.1 khoản 2 Điều 9 Thông tư quy định *"b.1) Trường hợp sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt hoặc đã nộp nhưng số tiền tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu thì cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, số ngày chậm nộp qua Hệ thống theo Mẫu số 1 Phụ lục II hoặc bản giấy theo Mẫu số 01/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này"* Vướng mắc: Các phần mềm nghiệp vụ hiện nay chưa có chức năng thông báo cho người nộp thuế biết về số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, số ngày chậm nộp. Hiện tại công chức theo dõi nợ phải thực hiện tra cứu số liệu nợ thuế quá hạn trên hệ thống KTTTT và soạn thảo thông báo gửi doanh nghiệp do thông báo in từ Hệ thống KTTTT không đúng mẫu quy định tại Thông tư số 06/2021/TT-BTC. Kiến nghị: Đề nghị bổ sung thêm chức năng thông báo cho người nộp thuế biết về số tiền thuế, tiền phạt còn nợ, số ngày chậm nộp qua hệ thống KTTTT theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 1 Phụ lục II Thông	Để đảm bảo công khai các khoản thuế nợ, Tổng cục Hải quan đã đưa các khoản nợ của doanh nghiệp lên trang Web Hải quan. Doanh nghiệp có thể truy cập vào trang web của cơ quan hải quan để thực hiện tra cứu các khoản còn nợ để thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước theo quy định. Thông báo về việc người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt hoặc thông báo số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn thiếu đề nghị các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo theo mẫu mẫu số 01/TXNK phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 06/2021/TT-BTC ngày 22/1/2021 của Bộ Tài chính. Về lâu dài, Tổng cục Hải quan sẽ bổ sung các mẫu báo cáo theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành vào Đề án Hải quan thông minh.

	tư 06/2021/TT-BTC. Trong thời gian chưa bổ sung chức năng thông báo qua hệ thống, đề nghị sửa lại mẫu thông báo in ra từ hệ thống KTTTT theo đúng mẫu số 01/TXNK phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BTC.	
2	**Về quy định giải trình trong trường hợp hồ sơ hoàn thuế trước chưa đầy đủ.** Điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư quy định về trình tự, thủ tục hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế trước không quy định về trách nhiệm giải trình và hình thức giải trình của người nộp thuế trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin (tiết a.2). Đề xuất, kiến nghị: Tại tiết a.2 điểm a khoản 3 Điều 12 Thông tư đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm giải trình của người nộp thuế và hình thức giải trình, cho phép người nộp thuế được giải trình thông qua Hệ thống hoặc giải trình bằng văn bản hoặc giải trình trực tiếp. Nội dung đề xuất bổ sung như sau: *"Trong thời hạn theo thông báo của cơ quan hải quan, người nộp thuế phải giải trình với cơ quan hải quan thông qua Hệ thống hoặc giải trình bằng văn bản hoặc giải trình trực tiếp. Trường hợp người nộp thuế giải trình trực tiếp, cơ quan hải quan lập biên bản làm việc theo Mẫu số 12/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này".*	Theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BTC quy định về trình tự, thủ tục hoàn thuế trước thì: *Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ các thông tin để ban hành Quyết định hoàn thuế, cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế về việc bổ sung các thông tin cần thiết thông qua Hệ thống theo Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC, trường hợp hồ sơ giấy thì thông báo theo Mẫu số 05/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC.* Trách nhiệm giải trình, hình thức giải trình đề nghị Cục Hải quan TP. Đà Nẵng ghi rõ tại mục 1 mẫu số 05/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 06/2021/TT-BTC để thông báo cho người nộp thuế thực hiện.
3	**Về kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước**	
	3.1. Về thủ tục, nội dung kiểm tra và xử lý kết quả kiểm tra sau hoàn thuế: Trước đây, thủ tục, nội dung kiểm tra sau hoàn thuế và xử lý kết quả kiểm tra sau hoàn thuế được quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 129 được quy định tại khoản 63 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Tuy nhiên, hiện nay quy định này đã hết hiệu lực thi hành (theo quy định tại	Theo quy định khoản 1 Điều 77 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, thì: *"1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 05*

	điểm a khoản 2 Điều 20 Thông tư số 06/2021/TT-BTC), đồng thời Thông tư số 06/2021/TT-BTC cũng không quy định nội dung này. Như vậy, việc kiểm tra sau hoàn thuế được thực hiện như thế nào? Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị Tổng cục Hải quan có hướng dẫn để thực hiện.	*năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.* *2. Thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế đối với hồ sơ hoàn thuế được thực hiện theo quy định của Luật này và Luật Thanh tra".* Theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, thì trường hợp kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trình tự thủ tục kiểm tra thuế thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 110 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14. Nhiệm vụ, quyền hạn của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế trong việc kiểm tra thuế thực hiện theo quy định tại Điều 112 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14. Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn chi tiết quy trình thực hiện tại quy trình thay thế quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế và xử lý tiền nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng TCHQ.
	3.2. Về phân loại hồ sơ để kiểm tra sau hoàn thuế: Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy trình miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục Hải quan thì việc lập danh mục hồ sơ để kiểm tra sau hoàn thuế được phân làm 02 loại: hồ sơ cần kiểm tra trong thời hạn 01 năm và hồ sơ cần kiểm tra trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế. Quy định này hiện nay không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý thuế (kiểm tra trong thời hạn 5	Hiện nay Tổng cục Hải quan đang chuẩn bị ban hành quy trình thay thế quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế và xử lý tiền nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng TCHQ. Theo đó quy định rõ về thời hạn kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 (kiểm tra trong thời hạn 5 năm kể từ ngày ban hành quyết định

	năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế), Điều 26 Thông tư số 81/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan (đối với rủi ro trung bình kiểm tra trong thời hạn 03 năm, đối với rủi ro thấp kiểm tra ngẫu nhiên trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế). Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị Tổng cục Hải quan sửa đổi nội dung quy định tại Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ để phù hợp với quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 81/2019/TT-BTC.	hoàn thuế)
4	**Về thủ tục không thu thuế (Điều 13)**	
	4.1. Về thời hạn giải quyết hồ sơ không thu thuế: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 thì sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị không thu thuế, cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc. Vướng mắc: Văn bản hiện hành chưa quy định về thời hạn giải quyết không thu thuế, do đó không có căn cứ để thông báo cho người nộp thuế về thời hạn giải quyết hồ sơ. Ngoài ra, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 thì thủ tục không thu thuế có 03 trường hợp, nhưng chỉ có một trường hợp (điểm c.1) có quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ (trong thời hạn làm thủ tục hải quan), hai trường hợp còn lại (điểm c.2, c.3) không quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ. Đề xuất, kiến nghị: Các trường hợp không thu thuế quy định tại điểm c.2, c.3 khoản 2 Điều 13 khi giải quyết không thu thuế chỉ thực hiện kiểm tra hồ sơ và các thông tin liên quan để xác định điều kiện không thu thuế, do đó thời hạn giải quyết hồ sơ không thu thuế đề nghị quy định như thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế trước quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Quản lý thuế (chậm nhất là 06 ngày làm việc kể từ ngày có thông	Tổng cục Hải quan ghi nhận để đưa vào hướng dẫn tại quy trình thay thế quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế và xử lý tiền nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng TCHQ.

	báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ).	
	4.2. Về thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ: Theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13 thì sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị không thu thuế, cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc trong cả 03 trường hợp quy định tại điểm c.1, c.2, c.3 khoản 2 Điều 13. Vướng mắc: Đối với trường hợp quy định tại điểm c.1 khoản 2 Điều 13 (*tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu của lô hàng tái nhập, tái xuất không phát sinh số tiền thuế đề nghị hoàn và người nộp thuế nộp hồ sơ không thu thuế tại thời điểm làm thủ tục hải quan*) việc thông báo là không hợp lý vì trường hợp này việc giải quyết thủ tục không thu thuế được thực hiện trong thông quan trên Hệ thống VNACCS mà hệ thống này không có chức năng thông báo theo nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13. Hơn nữa, thời hạn giải quyết hồ sơ đã được quy định là thời hạn làm thủ tục hải quan, việc kiểm tra và chấp nhận hồ sơ được cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế bằng quyết định không thu thuế và thông quan hàng hóa (nếu hồ sơ đủ điều kiện) nên quy định thông báo cho người nộp thuế trong trường hợp này là không hợp lý, làm phát sinh thêm thủ tục không cần thiết, kéo dài thời gian làm thủ tục hải quan. Đề xuất, kiến nghị: Sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 theo hướng loại trừ trường hợp quy định tại điểm c.1 khoản 2 Điều 13 (chỉ thực hiện thông báo đối với các trường hợp quy định tại điểm c.2, điểm c.3 khoản 2 Điều 13).	Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 06/2021/TT-BTC, thì: "b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị không thu thuế, cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị không thu thuế thông qua Hệ thống theo Mẫu số 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp bản giấy thì thông báo theo Mẫu số 04/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này". Đề nghị Cục Hải quan TP. Đà Nẵng đối chiếu với quy định trên để thực hiện việc thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ, thời hạn giải quyết hồ sơ không thu thuế theo quy định. Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn chi tiết tại quy trình thay thế quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế và xử lý tiền nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng TCHQ.

	4.3. Về trình tự, thủ tục không thu thuế: a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm c.1, c.2, c.3 khoản 2 Điều 13 Thông tư, nếu không đủ điều kiện để giải quyết không thu thuế (*ví dụ: không đủ cơ sở xác định hàng hóa hàng hóa tái nhập là hàng hóa đã xuất khẩu trước đây, hàng hóa tái xuất là hàng hóa đã nhập khẩu trước đây đối với trường hợp quy định tại điểm c.1, c.3; không đủ điều kiện hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu đối với trường hợp quy định tại điểm c.2; ...*) thì xử lý như thế nào? Thông tư không quy định về việc thông báo cho người nộp thuế trong trường hợp này, nhưng có quy định về biểu mẫu thông báo (Mẫu số 06/TXNK Phụ lục I, Mẫu số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư). Đề xuất, kiến nghị: Tại điểm c khoản 2 Điều 13 đề nghị bổ sung quy định *"Trường hợp không đủ điều kiện để giải quyết không thu thuế, cơ quan hải quan thông báo lý do không giải quyết cho người nộp thuế biết thông qua Hệ thống theo Mẫu số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư hoặc theo Mẫu số 06/TXNK Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư"*. Đối với trường hợp quy định tại điểm c.1 khoản 2 Điều 13, nếu không đủ điều kiện để giải quyết không thu thuế cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế để thu thuế đối với tờ khai tái nhập, tái xuất và xử phạt vi phạm (nếu có) theo quy định. b) Tại điểm c.2.1 khoản 2 Điều 13 Thông tư quy định *"Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa tái nhập, tái xuất ban hành Quyết định không thu thuế lô hàng tái nhập hoặc tái xuất sau khi cơ quan hải quan nơi phát sinh số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu người nộp thuế đề nghị hoàn **đã xác định đủ điều kiện hoàn thuế** đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu."* Quy định này có vướng mắc liên quan cụm từ "đã xác định đủ điều kiện hoàn thuế", cụ thể: việc xác định "đủ điều kiện hoàn thuế" được dựa trên cơ sở nào?	a) Mẫu số 06/TXNK phụ lục 1 ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BTC quy định thông báo về việc không được miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế, xử lý tiền thuế nộp thừa. Đề nghị Cục hải quan TP. Đà Nẵng thực hiện thông báo việc việc không thu thuế theo mẫu số 06/TXNK. Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn chi tiết tại quy trình thay thế quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế và xử lý tiền nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng TCHQ. b) Căn cứ quy định tại điểm c.2.1 khoản 2 Điều 13 Thông tư số 06/2021/TT-BTC thì trường hợp hàng hóa tái nhập, tái xuất không cùng cửa khẩu với hàng hóa khi xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu: Cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa tái nhập, tái xuất ban hành Quyết định không thu thuế lô hàng tái nhập hoặc tái xuất sau khi cơ quan hải quan nơi phát sinh số tiền thuế xuất khẩu, nhập khẩu người nộp thuế đề nghị hoàn đã xác định đủ điều kiện hoàn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu lần đầu.

	Đề xuất, kiến nghị: Để đảm bảo minh bạch và thuận lợi trong thực hiện, đề nghị thay cụm từ "đã xác định đủ điều kiện hoàn thuế" quy định tại điểm c.2.1 khoản 2 Điều 13 bằng cụm từ "đã ban hành quyết định hoàn thuế". Về hồ sơ không thu thuế đối với trường hợp quy định tại điểm c.2 khoản 2 Điều 13 đề nghị bổ sung thêm quyết định hoàn thuế lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu để làm căn cứ giải quyết không thu thuế.	Việc xác định đủ điều kiện hoàn thuế dựa trên Quyết định hoàn thuế hoặc thông tin của Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế về việc đủ điều kiện hoàn thuế. Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn chi tiết tại quy trình thay thế quy trình miễn, giảm, hoàn, không thu thuế và xử lý tiền nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1919/QĐ-TCHQ ngày 28/6/2018 của Tổng cục trưởng TCHQ.